

TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

TCVN 1073:1971

GỖ TRÒN – KÍCH THƯỚC CƠ BẢN *Round timber – Main dimension*

1 Tiêu chuẩn này áp dụng cho gỗ tròn thuộc các loại cây lá rộng.

Tiêu chuẩn này không bắt buộc áp dụng cho gỗ tròn chuyên dùng như gỗ trụ nhỏ, gỗ làm giấy, gỗ làm tơ nhân tạo.

2 Gỗ tròn được chia thành bốn hàng theo đường kính và chiều dài như quy định trong bảng dưới đây:

Hạng	Đường kính đầu nhỏ D (cm)	Chiều dài L (m)
I	Từ 25 trở lên	Từ 2,5 trở lên
II	Từ 25 trở lên	$1 \leq L < 2,5$
III	$10 \leq D < 25$	Từ 2,5 trở lên
IV	$10 \leq D < 25$	$1 \leq L < 2,5$

3 Mỗi cặp đường kính cách nhau 5cm.

Chú thích:

- Đường kính của gỗ tròn phải đo theo đầu nhỏ, không kể vỏ, nếu có vỏ thì trừ đi phần vỏ.
- Đường kính của gỗ tròn đo bằng thước cặp bằng gỗ hoặc bằng kim loại. Trị số đường kính gỗ tròn là trung bình cộng của kích thước hai đường kính góc với nhau.

4 Mỗi cặp chiều dài cách nhau 0,5m.

Chú thích: Chiều dài gỗ tròn lấy theo chiều dài chỗ ngắn nhất.